CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

FireAnt

Ngày 31/03/2025	6,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.5%	**-12.3%**	**6.7%**

ROE — 2024: **3.2%** | +/- YoY ▲ 1.4%

DT thuần — *Q1/25*: **216** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 67.0 ▼ 23.6% | YoY ▲ 46.0 ▲ 27.2%

DT thuần — *2024*: **880** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 209 ▲ 31.2%

LN gộp — *Q1/25*: **10.3** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 0.40 ▲ 4.4% | YoY ▼ 0.20 ▼ 1.5%

LN gộp — *2024*: **38.8** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 8.40 ▼ 17.8%

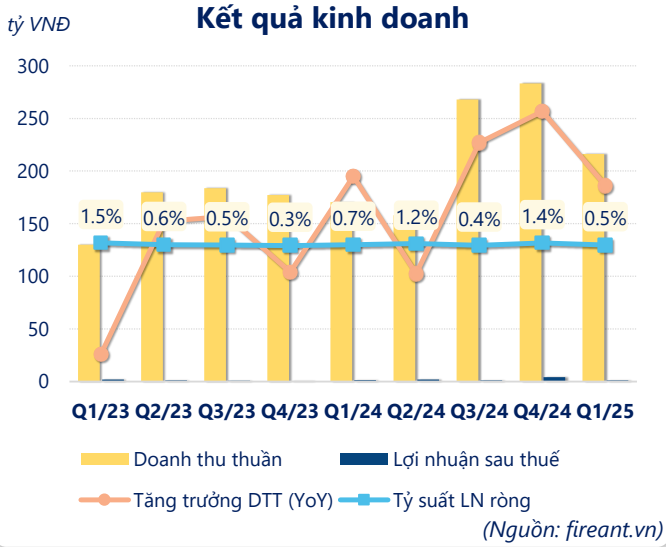
LN thuần — *Q1/25*: **1.07** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 3.05 ▼ 74.0% | YoY ▼ 0.47 ▼ 30.4%

LN thuần — *2024*: **5.35** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 0.17 ▲ 3.4%

LN sau thuế — *Q1/25*: **1.10** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 2.96 ▼ 72.8% | YoY ▼ 0.13 ▼ 10.4%

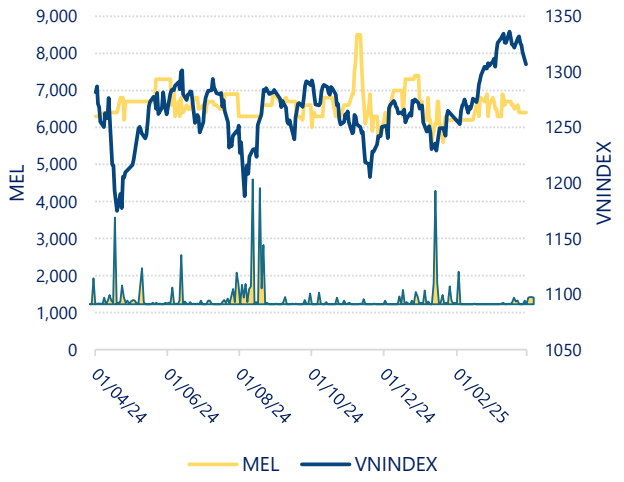
LN sau thuế — *2024*: **8.11** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 3.66 ▲ 82.3%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

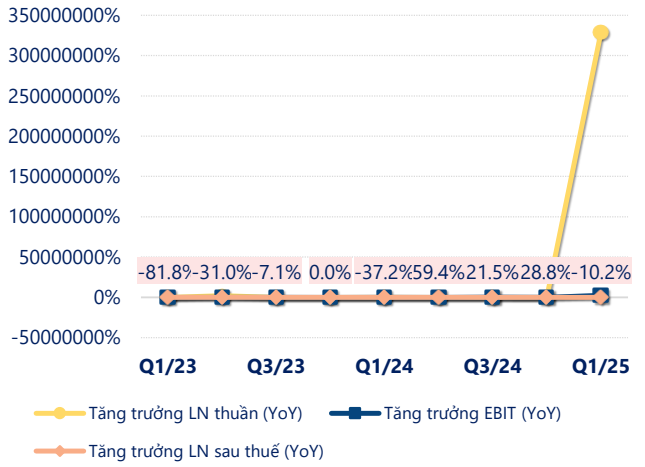
Lịch sử giá



CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

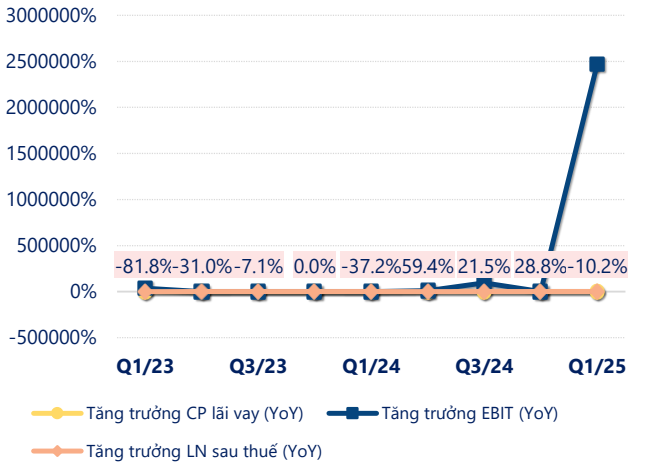
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



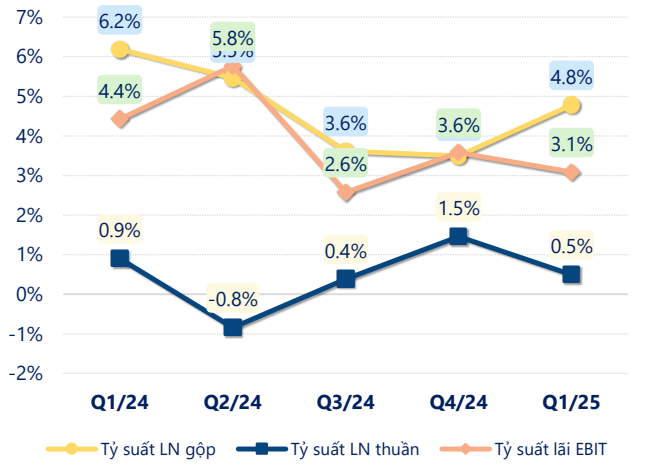
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



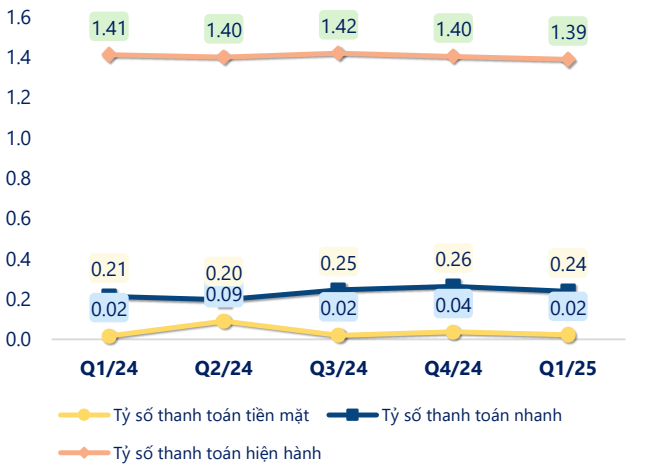
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



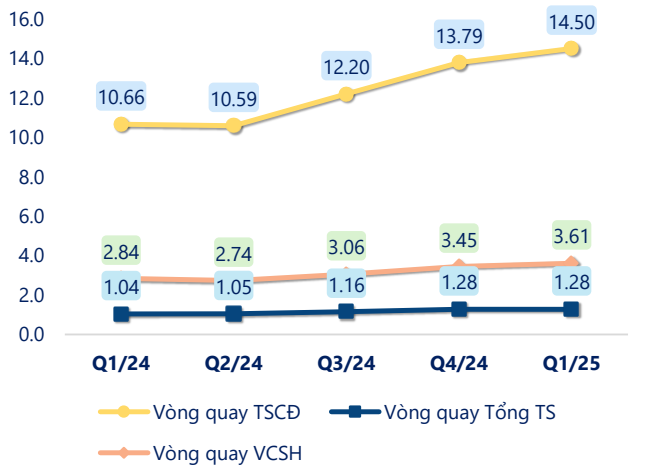
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



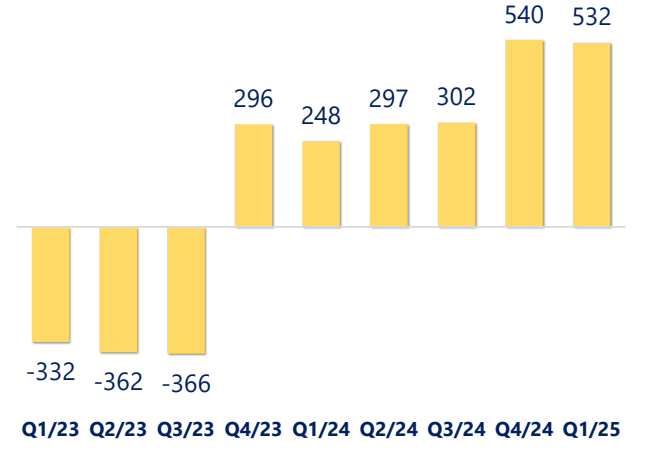
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

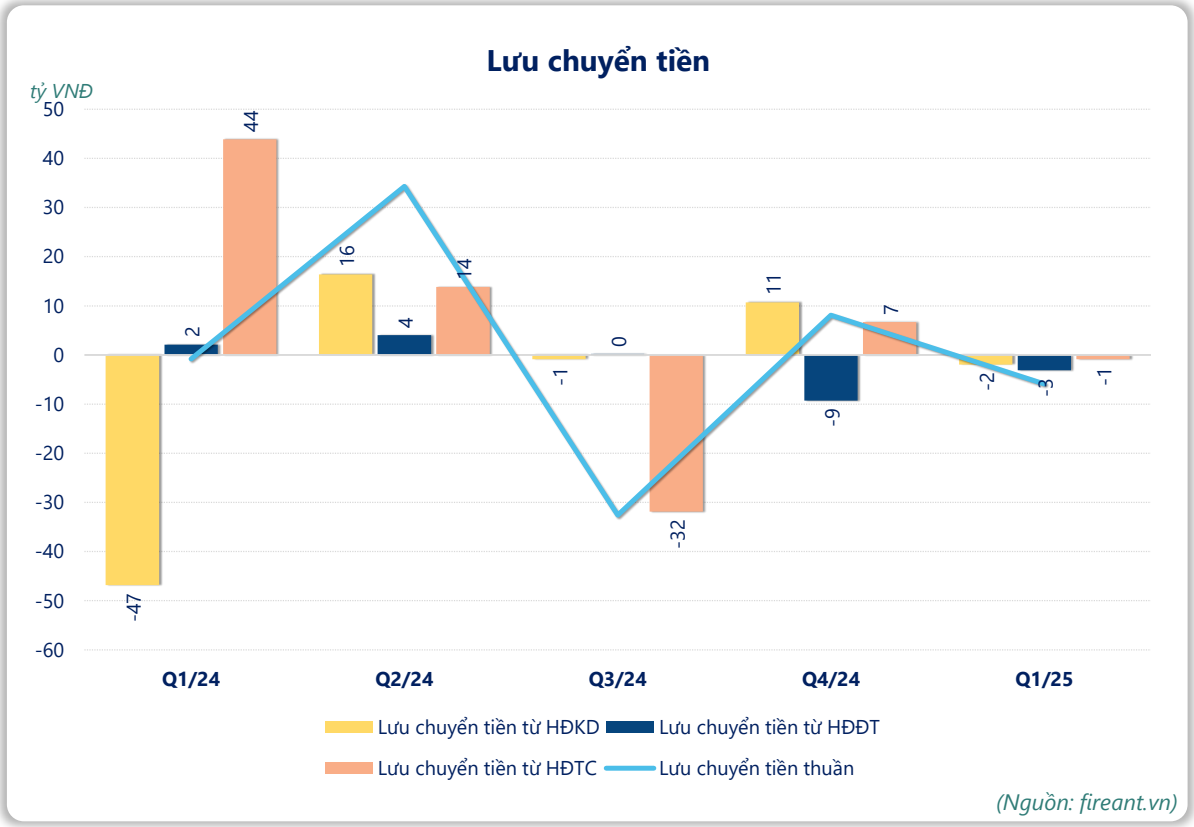


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**216**	**170**	**27.2%**	**880**	**671**	**31.2%**
Giá vốn hàng bán	206	160	28.7%	841	624	34.9%
Lợi nhuận gộp	10.3	10.5	-1.5%	38.8	47.2	-17.8%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.11	-15.5%	3.73	0.60	522%
Chi phí TC	5.29	6.12	-13.5%	25.2	29.2	-13.6%
Chi phí lãi vay	5.29	6.00	-11.8%	24.4	28.2	-13.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.85	0.90	105%	3.30	4.55	-27.4%
Chi phí QLDN	**2.22**	**2.09**	**6.0%**	**8.62**	**8.84**	**-2.5%**
LN thuần từ HĐKD	1.07	1.54	-30.4%	5.35	5.18	3.4%
Lợi nhuận khác	**0.31**	**0.00**		**3.95**	**0.39**	**913%**
LN trước thuế	1.38	1.54	-10.5%	9.30	5.57	67.0%
Lợi nhuận sau thuế	**1.10**	**1.23**	**-10.4%**	**8.11**	**4.45**	**82.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.10**	**1.23**	**-10.4%**	**8.11**	**4.45**	**82.3%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)